

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Phạm Thanh Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1991. NĐKTT: ấp T, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Đ cưới nhau năm 2012, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn, sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ anh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ít quan tâm, lơ lửng, chăm sóc cho vợ con, mỗi lần chị H góp ý thì anh Đ rất khó chịu, thời gian chị H đi làm anh Đ hay ghen tuông vô cớ và chửi mắng chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên năm 2022 chị đi

làm thuê và ly thân với anh Đ. Sau đó chị H có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, nhưng sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì chị rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ có 02 đứa con chung tên Trần Huỳnh Thảo V, sinh ngày 13/4/2014 và Trần Huỳnh Quế T, sinh ngày 24/10/2017, từ khi ly thân đến nay 02 con do chị H nuôi dưỡng, chi phí nuôi con do chị chi trả, anh Đ không phụ giúp gì; vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh Đ; chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con Thảo Vy và Quế T, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đúng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX cho chị Huỳnh Ngọc H được ly hôn với anh Trần Thanh Đ; về con chung, giao cháu Trần Huỳnh Thảo V, sinh ngày 13/4/2014 và Trần Huỳnh Quế T, sinh ngày 24/10/2017 cho chị H nuôi dưỡng, không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Thanh Đ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Đ. Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 nên là quan hệ hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị **H** và anh **Đ** chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **Đ** ít quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên năm 2022 chị đi làm thuê và ly thân với anh **Đ**. Sau đó chị **H** có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Đ**, nhưng sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì chị rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin ly hôn với anh **Đ**. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị **H** thì anh **Đ** không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh **Đ** vắng mặt không tham dự. Việc anh **Đ** không có ý kiến khi chị **H** xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải và phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn, vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Anh chị đã ly thân một thời gian, nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ để hàn gắn lại tình nghĩa vợ chồng, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nên quan hệ hôn nhân không được đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó cho thấy giữa chị **H** và anh **Đ** mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị **H** được ly hôn với anh **Đ**.

[3] Về con chung, chị **H** và anh **Đ** có 02 con chung tên **Trần Huỳnh Thảo V**, sinh ngày 13/4/2014 và **Trần Huỳnh Quế T**, sinh ngày 24/10/2017 (hiện sống chung với chị **H**). Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con Thảo Vy và **Quế T**, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, thời gian qua cháu **Thảo V** và cháu **Quế T** do chị **H** nuôi dưỡng, hai cháu được chị **H** chăm sóc tốt, đồng thời yêu cầu của chị **H** cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **Thảo V** và cháu **Quế T** đã trình bày. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 81, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu **Thảo V** và cháu **Quế T** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị **H** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, anh **Đ** cũng không thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị **H** và anh **Đ** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Huỳnh Ngọc H** và anh **Trần Thanh Đ.**

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên **Trần Huỳnh Thảo V**, sinh ngày 13/4/2014 và **Trần Huỳnh Quế T**, sinh ngày 24/10/2017 cho chị **Huỳnh Ngọc H** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (*hiện nay cháu **Thảo V** và cháu **Quế T** đang sống chung với chị **H***). Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Huỳnh Ngọc H** chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005153 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị **H** đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Hưng B;

- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công